TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TÂN THẠNH** **TỈNH LONG AN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 28-4-2022
V/v "ly hôn"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN THẠNH, TỈNH LONG AN

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Đặng Nguyễn Phương Chi

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Năm

2. Bà Nguyễn Ngọc Nhuận

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Anh Kim - Thư ký Toà án nhân dân huyện Tân Thạnh, tỉnh Long An

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Thạnh tham gia phiên tòa: bà Phạm Thị Kim The - Kiểm sát viên

Ngày 28 tháng 4 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Tân Thạnh, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 50/2022/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 3 năm 2022 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 4 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà A, sinh năm: 1988

Địa chỉ: số 72/1, ấp B, xã C, huyện D, thành phố Hồ Chí Minh

2. Bị đơn: Ông L, sinh năm: 1985

Địa chỉ: ấp E, xã F, huyện G, tỉnh Long An

Hiện đang chấp hành án tại Đội 16, Khu 2, Phân trại số 2 Trại giam G thuộc ấp H, xã I, huyện K, tỉnh Long An.

(Bà Acó mặt tại phiên tòa. Ông L có đơn xin giải quyết vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện và lời khai tại Tòa án, nguyên đơn - bà Atrình bày: Bà và ông L chung sống với nhau từ năm 2007, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã F, huyện G, tỉnh Long An vào ngày 23/6/2008. Trong quá trình chung sống, thời gian đầu cuộc sống vợ chồng hạnh phúc nhưng đến năm 2015 thì bắt đầu phát

sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng không hợp tính tình, bất đồng quan điểm nên thường xảy ra nhiều mâu thuẫn trong cuộc sống gia đình. Bà và Ông L đã ly thân 04 năm nay. Trong thời gian sống ly thân, Ông L thực hiện hành vi phạm tội nên bị Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh xử phạt tù. Hiện nay Ông L đang thi hành án phạt tù tại Trại giam G thuộc ấp H, xã I, huyện K, tỉnh Long An. Nay bà xét thấy cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc nên yêu cầu được ly hôn với Ông L.

- Về con chung: Bà và Ông L có hai con chung tên M, sinh ngày 03/8/2008 và N, sinh ngày 17/12/2017. Khi ly hôn, bà yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung, không yêu cầu Ông L cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Bà và Ông L không có tài sản chung và cũng không có nợ chung nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Tại biên bản lấy lời khai ngày 22/3/2022, bị đơn là ông L trình bày: Ông và bà Acó quen biết và tìm hiểu nhau, sau đó có tổ chức đám cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã F, huyện G, tỉnh Long An ngày 23/6/2008. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng thời gian sau thì phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên cãi vã, bất đồng quan điểm, không tìm được tiếng nói chung. Do mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng nên ông và Bà Ađã sống ly thân. Ông về bên gia đình cha mẹ ruột của ông ở xã F, huyện G sinh sống một thời gian. Sau đó ông thuê nhà trọ ở riêng được khoảng vài tháng thì thực hiện hành vi phạm tội "Cướp tài sản" và bị Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh xử phạt 07 năm 06 tháng tù. Nay ông xét thấy cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc nên ông đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà A. Do hiện nay ông đang chấp hành án phạt tù tại Trại giam G nên ông đề nghị Tòa án giải quyết, xét xử vụ án vắng mặt ông tại tất cả các phiên họp, phiên tòa của Tòa án nhân dân các cấp.

- Về con chung: Ông và Bà A có hai con chung tên M, sinh ngày 03/8/2008 và N, sinh ngày 17/12/2017. Khi ly hôn, ông đồng ý giao hai con chung cho Bà A trực tiếp nuôi dưỡng. Ông không cấp dưỡng nuôi hai con chung.

- Về tài sản chung, nợ chung: Ông và Bà A không có tài sản chung, không có nợ chung nên ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và lời trình bày như đã nêu trên, bị đơn có đơn xin giải quyết vắng mặt.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng các quy định của pháp luật về thủ tục tố tụng dân sự. Các đương sự đã chấp hành đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án: căn cứ các Điều 51, 55, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên:

+ Về hôn nhân: công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà A và ông L.

+ Về con chung: bà A được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung là cháu M, sinh ngày 03/8/2008 và cháu N, sinh ngày 17/12/2017. Ông L không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Tranh chấp về việc ly hôn giữa nguyên đơn A với bị đơn L là tranh chấp về hôn nhân và gia đình nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

Tại phiên tòa, bị đơn L vắng mặt nhưng có đơn xin giải quyết vắng mặt. Vì vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt Ông L theo quy định tại khoản 1 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Bà Avà Ông L chung sống với nhau từ năm 2007, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã F, huyện G, tỉnh Long An vào ngày 23/6/2008 nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp. Theo lời trình bày của Bà A và Ông L thì trong quá trình chung sống, vợ chồng không hợp tính tình, bất đồng quan điểm nên thường xảy ra nhiều mâu thuẫn trong cuộc sống gia đình. Bà A và Ông L đã sống ly thân khoảng 04 năm nay. Trong thời gian sống ly thân, Ông L thực hiện hành vi phạm tội và hiện đang chấp hành án phạt tù tại Trại giam G. Sau khi Tòa án thụ lý vụ án, Ông L đã được Tòa án tống đạt hợp lệ tất cả các văn bản tố tụng. Ông L đã có lời khai đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà A. Hội đồng xét xử xét thấy, hôn nhân của Bà A và Ông L đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên cần ghi nhận việc thuận tình ly hôn của Bà A và Ông L theo quy định tại Điều 55 của Luật hôn nhân và gia đình.

Về con chung: Bà A và Ông L có hai con chung tên M, sinh ngày 03/8/2008 và N, sinh ngày 17/12/2017. Khi ly hôn, Bà A yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung, không yêu cầu Ông L cấp dưỡng nuôi con. Ông L đồng ý giao hai con chung cho Bà A trực tiếp nuôi dưỡng, Ông L không cấp dưỡng nuôi con chung. Xét thấy, theo bản tự khai ngày 17/3/2022 thì con chung tên M (đã trên 07 tuổi) có nguyện vọng sống chung với mẹ, còn con chung tên N (chưa đủ 07 tuổi) nên không thể nêu ý kiến của mình về việc sống với cha hay mẹ. Ông L đồng ý giao hai con chung cho Bà A trực tiếp nuôi dưỡng. Vì vậy Hội đồng xét xử cần giao hai con chung cho Bà A được trực tiếp nuôi dưỡng. Bà A không yêu cầu Ông L cấp dưỡng nuôi hai con chung. Xét thấy đây là sự tự nguyện của Bà A nên được chấp nhận.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà A và Ông L trình bày không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3] Về án phí: Bà A phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Ông L không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 51, Điều 55, Điều 58, các Điều 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà A.

Về hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa bà A và ông L.

Về con chung: Bà A được quyền trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung tên M, sinh ngày 03/8/2008 và N, sinh ngày 17/12/2017.

Ông L không có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi hai con chung.

Sau khi ly hôn, Ông L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà A và ông L trình bày không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Bà A có nghĩa vụ chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Chuyển 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí Bà A đã nộp theo biên lai thu số 0004227 ngày 22 tháng 3 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Thạnh sang án phí, Bà A không phải nộp thêm. Ông L không phải chịu án phí.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND huyện Tân Thạnh;
- Chi cục THADS huyện Tân Thạnh;
- TAND tỉnh Long An;
- Cơ quan đăng ký kết hôn;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đặng Nguyễn Phương Chi